

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 3 tháng 9 năm 2020, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2020/TLST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q: Ông Nguyễn Tiến Đ-chủ tịch hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q.

Địa chỉ: Số nhà 22 H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số nhà 77, phố Tr, phường Tr, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng thương mại cổ phần S: Ông Nguyễn Văn L-chức vụ tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Đức Th-giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S-chỉ nhánh L.

Địa chỉ: Phố L, ngã Sáu, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh L: Ông Lê Đăng L-chủ tịch hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số nhà 039, đường Ng, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ph.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ph: Ông Phạm Xuân Tr-giám đốc.

Địa chỉ: Số nhà 040B, đường H, phường Ph (Nay phường L), thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Ông Lê Đăng M, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 11, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Xác nhận Ngân hàng thương mại cổ phần S và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh L đã ký hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số: 206/2017/HĐHM-PN/SHB.110900 ngày 6 tháng 6 năm 2017. Hạn mức tín dụng đã ký vay số tiền là 11.000.000.000 đồng (Mười một tỷ đồng), mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu, cửa hàng miễn thuế, thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày 01 tháng 6 năm 2017 đến ngày 01 tháng 6 năm 2018, lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể từng khế ước nhận nợ, biên độ cho vay là 3,2%/năm, lãi suất chậm trả không quá 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%/năm. Khoản tiền vay gốc còn nợ số tiền là 7.994.154.180 đồng (Bảy tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu một trăm năm mươi bốn nghìn một trăm tám mươi đồng), lãi suất tính từ thời gian quá hạn của từng khế ước đến ngày 02 tháng 9 năm 2020, trong đó nợ trong hạn số tiền là 231.338.260 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi đồng), nợ lãi quá hạn số tiền là 2.865.683.942 đồng (Hai tỷ tám trăm sáu mươi năm triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng), tổng cộng là 11.110.807.251 đồng (Mười một tỷ một trăm mười triệu tám trăm không bảy nghìn hai trăm năm mươi một đồng).

2.2 Xác nhận ông Lê Đăng M đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần S-chi nhánh L tài sản sau: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là các tài sản, quyền và lợi ích sau cũng thuộc tài sản thế chấp số 262/2017/HĐTC-BTB/SHB.100900 ngày 18 tháng 7 năm 2017, thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 480, tờ bản đồ số P13-9, diện tích đất 281,6m<sup>2</sup>-Địa chỉ phố Kh, phường Ph (Nay phường L), thành phố L, tỉnh Lào Cai, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 987843, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS01207 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 16 tháng 6 năm 2017 mang tên ông Lê Đăng M. Tài sản gắn liền với đất nêu trên là 01 ngôi nhà xây 03 tầng, diện tích xây dựng 144m<sup>2</sup> (Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10 tháng 6 năm 2020).

2.3 Xác nhận Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh L đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần S-chi nhánh L, quyền đòi nợ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ph phải có nghĩa vụ trả nợ, theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 63/2018/TCQĐN/SHB.110900 ngày 02 tháng 4 năm 2018, tài sản quyền đòi nợ xuất phát từ hợp đồng mua bán hàng hóa số 001/HĐMBHH/PG-XNKLC/2018, ký kết ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh L với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ph số tiền là 4.163.530.000 đồng (Bốn tỷ một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

2.4. Xác nhận hợp đồng mua bán nợ số 3882/2019/MBN.VAMC-SHB ngày 30 tháng 12 năm 2019, giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q với Ngân hàng thương mại cổ phần S-chi nhánh L đối với khoản nợ theo hợp đồng số 206/2017/HĐHM-PN/SHB.110900 ngày 6 tháng 6 năm 2017; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là các tài sản, quyền và lợi ích sau cũng thuộc tài sản thế chấp số 262/2017/HĐTC-BTB/SHB.100900 ngày 18 tháng 7 năm 2017 và hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 63/2018/TCQĐN/SHB.110900 ngày 02 tháng 4 năm 2018, tài sản quyền

đòi nợ xuất phát từ hợp đồng mua bán hàng hóa số 001/HĐMBHH/PG-XNKLC/2018, ký kết ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh L với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ph có nghĩa vụ trả nợ số tiền là 4.163.530.000 đồng (Bốn tỷ một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

2.5. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh L phải có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 206/2017/HĐHM-CN/SHB.110900 ngày 6 tháng 6 năm 2017. Khoản tiền vay nợ gốc, số tiền còn là 7.994.154.180 đồng (Bảy tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu một trăm năm mươi bốn nghìn một trăm tám mươi đồng) và lãi suất tính từ thời gian quá hạn của từng khế ước đến ngày 02 tháng 9 năm 2020, nợ lãi trong hạn số tiền là 231.338.260 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi đồng), nợ lãi quá hạn số tiền là 2.865.683.942 đồng (Hai tỷ tám trăm sáu mươi năm triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng), lãi phạt chậm trả số tiền là 19.630.869 đồng (Mười chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng), tổng cộng số tiền là 11.110.807.251 (Mười một tỷ một trăm mười một triệu tám trăm không bảy nghìn hai trăm năm mươi một đồng) mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán toàn bộ các khoản vay.

Trường hợp Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp trên của ông Lê Đăng M và quyền đòi nợ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ph phải có nghĩa vụ trả số tiền 4.163.530.000 (Bốn tỷ một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ trên theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q, cụ thể:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là các tài sản, quyền và lợi ích sau cũng thuộc tài sản thế chấp số 262/2017/HĐTC-BTB/SHB.100900 ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Lê Đăng M và Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 63/2018/TCQĐN/SHB.110900 ngày 02 tháng 4 năm 2018, tài sản quyền đòi nợ xuất phát từ hợp đồng mua bán hàng hóa số 001/HĐMBHH/PG-XNKLC/2018, ký kết ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh L với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ph, số tiền là 4.163.530.000 đồng (Bốn tỷ một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

- Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, số tiền là 61.237.500 đồng (Sáu mươi một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) do anh Nguyễn Quang H đã nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0008232 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai.

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh L phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, số tiền là 59.555.400 đồng (Năm mươi chín triệu

năm trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm đồng) và có trách nhiệm hoàn trả lại chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q.

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh L chưa thi hành xong khoản tiền phải trả nêu trên, thì hàng tháng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tỉnh L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 3 tháng 9 năm 2020, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 206/2017/HĐHM-PN/SHB.110900 ngày 6 tháng 6 năm 2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc đã được hai bên ký kết tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP;
- Chi cục THADSTP;
- Lưu hồ sơ;
- Tập QĐ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thái Hà**